

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN MUỜNG ẢNG  
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGD-ST

Ngày 27 tháng 12 năm 2023

“V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG ẢNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà: **Nguyễn Thị Vân**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông: **Hằng A Nénh**

2. Ông: **Lê Quốc Cường**

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Mai Hồng Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tham gia phiên tòa: Bà Đoàn Thị Minh Thu – Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 03/2023/TLST-HN&GD ngày 18 tháng 10 năm 2023 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGD ngày 11 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Chị **Quàng Thị T1**, sinh năm 1992.

Nơi cư trú: Bản XN, xã ML, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T1: Bà **Lê Thị D** – Trợ giúp pháp lý. Nơi công tác: Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên (Có mặt tại phiên tòa).

**2. Bị đơn:** Anh **Lường Văn T2**, sinh năm 1984.

Nơi ĐKKHKT: Bản MH, xã XL, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

Hiện đang cai nghiện tại: Trung tâm cai nghiện ma túy số 7, xã Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội. (Vắng mặt có lý do).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn Xin ly hôn đề ngày 14/10/2023, tại Bản tự khai của chị T1 ngày 23/10/2023 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Quàng Thị T1 trình bày:

**Về hôn nhân:** Tôi (T1) và anh Lường Văn T2 làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã ML, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên vào ngày 03/9/2010. Trước khi lấy nhau hai bên tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau và đến với nhau không chịu sự ép buộc hay tác động từ bên ngoài. Sau khi cưới tôi và anh Lường Văn T2 chuyển về sinh sống tại bản MH, xã XL, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống chung của vợ chồng tôi có phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất

đồng về quan điểm sống, anh Thăm nghiện chất ma túy nên thường xuyên xảy ra cãi vã, anh T2 bỏ bê gia đình và vợ con. Mặc dù mâu thuẫn giữa vợ chồng tôi đã được hai bên gia đình hoà giải, khuyên can nhiều lần nhưng không thành. Tháng 01/2023 tôi đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở bản XN, xã ML ở, đến tháng 02/2023 anh T2 bị bắt đi cai nghiện bắt buộc tại cơ sở cai nghiện ma túy số 7, xã Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây, TP. Hà Nội. Nay tôi thấy không còn tình cảm vợ chồng với anh Lường Văn T2 nữa, mục đích hôn nhân không đạt được để đảm bảo cuộc sống hạnh phúc sau này. Vì vậy, tôi đề nghị Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng giải quyết cho tôi được ly hôn với anh Lường Văn T2.

**Về con chung:** Trong quá trình chung sống tôi và anh T2 có 02 người con chung là cháu Lường Văn Th3, sinh ngày 07/02/2012 và cháu Lường Văn H, sinh ngày 06/01/2014. Hiện 02 cháu Th3, H đang sống cùng với tôi. Nguyên vọng của tôi về việc giải quyết con chung là sau khi ly hôn tôi nhận trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Tôi Không yêu cầu anh Lường Văn T2 cấp dưỡng nuôi con chung cùng với tôi.

**Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung thu về:** Tôi và anh Lường Văn T2 không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ngày hôm nay chị T1 vẫn giữ nguyên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lường Văn T2; chị xin được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về không có như nội dung đơn khởi kiện và bản tự khai chị đã trình bày.

**\* Bị đơn:** Theo nội dung Bản tự khai và giấy ý kiến của anh Lường Văn T2 ngày 25/10/2023. Anh T2 trình bày:

Về hôn nhân: Anh (T2) và chị Quàng Thị T1 đã đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã ML, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên vào năm 2010 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, vì tôi nghiện ma túy bỏ bê vợ, con. Từ tháng 02/2023 đến nay tôi đi cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy số 7, xã Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây, TP. Hà Nội. Đến nay chị T1 làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với tôi thì tôi (T2) đồng ý ly hôn với chị Quàng Thị T1.

Về con chung: Anh Lường Văn T2 và chị Quàng Thị T1 có 02 người con chung là cháu Lường Văn Th3, sinh ngày 07/02/2012 và cháu Lường Văn H, sinh ngày 06/01/2014. Nguyên vọng của anh T2 là được trực tiếp nuôi dưỡng hai cháu, không đồng ý để chị T1 nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung thu về: Anh T2 và chị T1 không có.

**\* Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày:** Yêu cầu của chị T1 là có căn cứ và hợp pháp. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T1 cụ thể như sau:

Thứ nhất về hôn nhân: Chị T1 và anh Lường Văn T2 tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã ML,

huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên vào ngày 03/9/2010 trên tinh thần hoàn toàn tự nguyện không chịu sự ép buộc và tác động từ bên ngoài. Cuộc sống chung của vợ chồng anh chị có phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, anh Thăm nghiện chất ma túy nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã. Tháng 01/2023 chị T1 đã chuyển về nhà bố mẹ đẻ ở bản XN, xã ML ở. Tháng 02/2023 anh T2 đi cai nghiện tại cơ sở cai nghiện ma túy số 7, xã Xuân Sơn, thị xã Sơn Tây, TP. Hà Nội và từ đó anh chị đã sống ly thân. Xét thấy mâu thuẫn của chị T1 và anh T2 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T1 và tuyên bố chị T1 được ly hôn anh T2.

Thứ hai về con chung: Chị Quàng Thị T1 và anh Lương Văn T2 có 02 người con chung là cháu Lương Văn Th3, sinh ngày 07/02/2012 và cháu Lương Văn H, sinh ngày 06/01/2014. Nguyên vọng của chị T1 về việc giải quyết con chung là sau khi ly hôn, chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 cháu Th3, Huy đến khi hai cháu đủ 18 tuổi và không yêu Tòa án giải quyết về dưỡng nuôi con chung. Hiện nay bản thân anh Thăm đang đi cai nghiện nên đề nghị Hội đồng xét xử cần chấp nhận nguyện vọng của chị T1 về việc giao nuôi con chung cũng như vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Thứ ba: Trong quá trình chung sống chị T1 và anh T2 không có tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về và chị T1, anh T2 không có.

Về án phí: Đề nghị áp dụng Điều 147 BLTTDS, Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Quàng Thị T1.

**\* Trong quá trình giải quyết vụ án:**

- Tòa án đã tiến hành lấy ý kiến của cháu Lương Văn Th3, Lương Văn H nguyện vọng của cháu là muốn được ở với mẹ.
- Tòa án đã tiến hành xác minh nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của anh Lương Văn T2; xác minh nguyên nhân của việc phát sinh mâu thuẫn của chị T1 và anh T2; xác minh điều kiện kinh tế của chị T1.
- Trong quá trình thụ lý giải quyết chị T1 có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải.

**\* Quan điểm của đại diện VKSND huyện Mường Ảng:** Quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ giai đoạn thụ lý đến giai đoạn chuẩn bị xét xử vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách người tham gia tố tụng, thời hạn chuẩn bị xét xử, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thời hạn chuyển hồ sơ cho VKS nghiên cứu, tổng đạt các văn bản tố tụng.

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, thủ tục phiên tòa theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc chấp hành của người tham gia tố tụng trong quá trình

giải quyết vụ án và tại phiên tòa theo quy định tại các Điều 227, 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên đề nghị Hội đồng xét xử:

**Về hôn nhân:** Tuyên bố chị Quàng Thị T1 được ly hôn anh Lường Văn T2.

**Con chung:** Chị Quàng Thị T1 và anh Lường Văn T2 có 02 người con chung: Cháu Lường Văn Th3, sinh ngày 07/02/2012 và cháu Lường Văn H, sinh ngày 06/01/2014 cho chị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi cháu Th3, cháu H đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Chị T1 chưa yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Tài sản chung, tài sản riêng, nợ phải trả, nợ lấy về:** Chị T1, anh T2 không có.

- **Án phí:** Đề nghị áp dụng Điều 147 BLTTDS, Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Quàng Thị T1, do chị T1 là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí.

### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích của đương sự, ý kiến của đại diện VKSND huyện Mường Ảng. Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về thủ tục tố tụng:** Đây là vụ án về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Ngày 18/10/2023, Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên thụ lý vụ án về “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”. Tòa án ra Thông báo thụ lý vụ án và đã có Công văn nhờ Cơ sở cai nghiện ma túy số 7 tổng đạt và anh Lường Văn T2 đã nhận được Thông báo về việc thụ lý vụ án. Bị đơn – Anh Lường Văn T2 đã viết giấy ý kiến và bản tự khai nhất trí ly hôn với chị T1.

Tòa án ra thông báo về Phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ đã tiến hành tổng đạt theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ. Ngày 30/10/2023 chị Quàng Thị T1 có đơn đề nghị không hòa giải tại Tòa án nên Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng tỉnh Điện Biên không tổ chức hòa giải. Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt Quyết định theo quy định của pháp luật. anh T2 nhận được Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh T2 cũng viết đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh vì anh đang phải đi cai nghiện ma túy. Tại phiên tòa Nguyên đơn là chị Quàng Thị T1 có mặt, bị đơn là anh Lường Văn T2 vắng mặt, căn cứ

khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng bị đơn anh Lường Văn T2.

**[2] Nội dung vụ án:**

\* **Về hôn nhân:** Theo đơn Xin ly hôn đề ngày ngày 14/10/2023, tại Bản tự khai ngày 23/10/2023; Lời trình bày của chị T1 tại phiên tòa và các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ. Hội đồng xét xử thấy: Chị Quàng Thị T1 và anh Lường Văn T2 tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương và đăng ký kết hôn với nhau tại UBND xã ML, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên vào ngày 03/9/2010. Trước khi lấy nhau hai bên tự nguyện tìm hiểu, tự nguyện yêu nhau và đến với nhau không chịu sự ép buộc hay tác động từ bên ngoài. Sau khi cưới chị T1 và anh Lường Văn T2 chuyển về sinh sống tại bản MH, xã XL, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên. Cuộc sống chung của vợ chồng có phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, anh T2 nghiện chất ma túy nên thường xuyên xảy ra cãi vã, bỏ bê gia đình và vợ con. Nguyên nhân cũng do anh T2 mắc nghiện và bị bắt đi cai nghiện chất ma túy, quá trình chung sống chị cũng đã khuyên can, nhưng anh Thăm không nghe do đó vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Anh Thăm trình bày từ khi kết hôn đến nay hai vợ chồng anh chị có mâu thuẫn do anh nghiện chất ma túy không chăm lo cho gia đình và vợ con, nay chị T1 xin ly hôn anh cũng nhất trí. Hội đồng xét xử thấy tình cảm của chị T1, anh T2 đối với nhau không còn, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T1 và anh Thăm đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị Quàng Thị T1. Tuyên xử cho chị Quàng Thị T1 được ly hôn với anh Lường Văn T2.

\* **Về con chung:** Chị Quàng Thị T1 và anh Lường Văn T2 có 02 người con chung là cháu Lường Văn Th3, sinh ngày 07/02/2012 và cháu Lường Văn H, sinh ngày 06/01/2014.

Nguyện vọng của chị T1 sau khi ly hôn, chị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 cháu (Th3 +H) đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động; Không yêu cầu anh T2 cấp dưỡng nuôi con chung.

Nguyện vọng của anh T2 là anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 cháu (Th3 +H). Nguyên vọng của 02 Th3 và H là được ở với mẹ.

Hội đồng xét xử xét thấy hiện nay 02 cháu (Th3 +H) lúc sống cùng với mẹ, lúc sống cùng với ông bà nội từ khi vợ chồng chị T1, anh T2 sống ly thân, hiện nay 02 cháu (Th3 +H) vẫn còn nhỏ, anh Thăm hiện đang đi cai nghiện chất ma túy nên để không gây xáo trộn về tâm lý đồng thời đảm bảo cho sự phát triển về tinh thần cũng như quyền lợi về mọi mặt, phù hợp với nguyện vọng của các cháu mong muốn được ở với mẹ. Nên cần tiếp tục giao các cháu cho chị T1 trực tiếp chăm nom, chăm sóc, giáo dục 02 cháu (Th3 +H) đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Theo nội dung đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa chỉ Quàng Thị T1 không yêu cầu anh Lường Văn T2 cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**\* Tài sản chung; tài sản riêng; nợ phải trả; nợ thu về:** Chị Quàng Thị T1 và anh Lường Văn T2 không có. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

**\* Về án phí:** Áp dụng Điều 147 BLTTDS, Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị T1 là người dân tộc thiểu số sinh sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch cho chị Quàng Thị T1.

**[3]** Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn đưa ra đề nghị hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

*Vì các lý do trên,*

## QUYẾT ĐỊNH

### **Căn cứ vào:**

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS.

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình.

- Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Quàng Thị T1: Chị Quàng Thị T1 được ly hôn anh Lường Văn T2.

2. Về con chung: Giao cháu Lường Văn Th3, sinh ngày 07/02/2012 và cháu Lường Văn H, sinh ngày 06/01/2014 cho chị T1 trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi các cháu đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung.

Thời điểm giao nuôi cháu Lường Văn Th3 và cháu Lường Văn H cho chị T1 kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Anh T2 có quyền đi lại, thăm nom con chung, không ai được cản trở quyền này. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên; người thân thích; Cơ quan quản lý Nhà nước về gia đình; Cơ quan quản lý Nhà nước về trẻ em; Hội liên hiệp phụ nữ thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung phải trả, nợ chung lấy về: Không có.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm không có giá ngạch cho chị T1

5. Án xử công khai sơ thẩm, kết thúc cùng ngày. Chị Quàng Thị T1 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lương Văn T2 vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự; người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Điện Biên;
- VKSND huyện Mường Ảng;
- Chi cục THADS huyện Mường Ảng;
- UBND xã ML, h. Mường Ảng
- Đường sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

*(đã ký)*

**Nguyễn Thị Vân**